TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** Bản án số**:17/**2019/HNGĐ-ST Ngày: 01/8/2019 *V/v "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Bích Thuỷ và ông Hồ Đình Ghi.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2019; Về việc " Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H. Địa chỉ: 2/10 đường B, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Hải C. Địa chỉ: 172/3 đường Đ, phường T, thành phố Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày: Năm 2016, anh Triệu Hải C có làm đơn xin ly hôn chị. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 28/2016 ngày 21/01/2016 của Toà án nhân dân thành phố Huế đã giải quyết cho anh C được ly hôn chị. Về con chung: Giao cháu Triệu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 29/3/2005 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Triệu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/4/2011 cho chị trực tiếp chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Nhưng thực tế, sau khi ly hôn thì chị vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu N và H. Đến tháng 8/2016 do kết hôn lại nên chị đã giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên sau khi cháu N đến ở với anh C được khoảng 3 tháng thì cháu xin chị đón cháu về do ở với anh C tinh thần cháu không được thoải mái, tâm lý không ổn định. Mặt khác, theo chị biết thì do tính

chất công việc (anh C dạy lái xe) nên rất hay đi xa, ít khi về nhà, do đó không trực tiếp chăm sóc con mà phải gửi cháu N cho mẹ là bà Phan Thị S chăm sóc. Chị rất thương cháu nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Nguyễn Bảo N để đảm bảo cho tinh thần và thể chất cháu phát triển ổn định. Đồng thời chị yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2019 và trong quá trình hòa giải, bị đơn là anh Triệu Hải C trình bày: Sau khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự vào ngày 21/01/2016 thì anh nhận trực tiếp nuôi cháu Triệu Nguyễn Bảo N còn chị H trực tiếp nuôi cháu Triệu Nguyễn Ngọc H. Tuy nhiên do cháu N nhớ mẹ và em nên anh cho cháu N về ở với chị H. Trong thời gian từ ngày 21/01/2016 cho đến nay, cháu N ở với anh khoảng 5 tháng (vào thời điểm tháng 9/2016 khi chị H kết hôn với người khác). Sau đó thì cháu về ở với mẹ vì cháu là con gái, lại trong giai đoạn tâm sinh lý phát triển, cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu cũng tâm sự muốn được gần mẹ và em. Mặt khác, chị H cũng trao đổi với anh nên để cháu về ở một thời gian cho ổn định tâm lý, sau đó sẽ để anh đón cháu về. Thấy hợp lý, hơn nữa do phải đi dạy xa, ít khi về nhà nên anh đồng ý giao cháu cho chị H nuôi. Tuy nhiên đó chỉ là giải pháp tạm thời còn thực tế thì anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hiện các con anh đang ở cùng mẹ và bố dượng là anh Trần Tuấn A tại địa chỉ 2/10 đường B, thành phố Huế. Trong thời gian cháu N ở với mẹ, anh C nhận thấy chị H không chăm sóc tốt cho cháu, không quan tâm chu đáo đến cháu. Ngoài ra, cháu còn bị bố dượng đánh đập và dọa nạt đuổi khỏi nhà. Anh nghĩ chị H không có khả năng nuôi dưỡng cháu N tốt hơn anh cả về điều kiện vật chất lẫn tinh thần. Về việc chị H xin được trực tiếp nuôi cháu N thì anh đồng ý nhưng trên giấy tờ phải thể hiện anh là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, giao cháu N cho anh nuôi. Đối với việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị H thì anh không đồng ý. Nếu chị H không thể nuôi cháu N được thì anh nhận nuôi cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019, người làm chứng là bà Phan Thị S (mẹ anh C) trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Triệu Hải C ly hôn với nhau năm 2016. Sau khi chị H và anh C ly hôn thì cháu N ở với bà khoảng 3 đến 5 tháng, sau đó cháu N về ở với chị H cho đến nay. Cháu N không ở với anh C vì anh C ở riêng nơi khác.

Tại Đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 8/5/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 7/6/2019, cháu Triệu Nguyễn Bảo N trình bày: Sau khi ba mẹ ly hôn cháu chỉ ở với bà nội khoảng 3 tháng, rồi ở với mẹ cho đến nay. Mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng cho cháu trong tất cả mọi chuyện, ba không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu có nguyện vọng được sống với mẹ để ổn định tinh thần, tâm lý.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Triệu Nguyễn Bảo N và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Phía anh C không đồng ý giao con cho chị H nuôi nên không đồng ý việc cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về án phí thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn và án phí cấp dưỡng: Đề nghị tuyên anh C phải chịu 600.000 án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị H khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đối với anh C, hiện anh C cư trú tại: Số nhà 172/3 đường P, phường T, thành phố Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn:

Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 28/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 21/01/2016 của Toà án nhân dân thành phố Huế đã quyết định: Chị H và anh C thuận tình ly hôn; về con chung: Giao cháu

Triệu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 29/3/2005 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Triệu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/4/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành. Theo quy định, Quyết định này đã có hiệu lực thi hành.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, trên thực tế cháu N chỉ có thời gian về ở với anh C khoảng 3 tháng, nhưng mẹ của anh C (bà Phan Thị S) là người trực tiếp chăm sóc cháu N vì anh C dạy lái xe tại Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh C cũng thừa nhận là thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà, cháu N là con gái, đang độ tuổi dậy thì, tâm sinh lý phát triển nên anh không thể chăm sóc con tốt hơn chị H và đồng ý để cháu về sống với chị H sau khi ly hôn đến nay. Về phía cháu N xác nhận là anh C chưa bao giờ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định tinh thần, tâm lý. Theo biên bản xác minh ngày 20/6/2019, thể hiện từ đầu năm 2017 đến nay, cháu N và cháu H ở cùng với chị H. Như vậy, có cơ sở khẳng định chị H vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu N sau khi vợ chồng ly hôn. Anh C không trực tiếp chăm sóc đối với cháu N nên đã vi phạm về nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đối với cháu N.

Về điều kiện chăm sóc con chung, khi ly hôn với anh C, chị H phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, tuy nhiên chị vẫn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu N. Mặc dù hiện nay chị H đã kết hôn chung sống với anh Trần Tuấn A, nhưng cuộc sống gia đình hòa thuận, phía anh Trần Tuấn A trên thực tế vẫn quan tâm hỗ trợ chị H trong việc nuôi, dạy cháu N, đồng thời có cam kết "chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục yêu thương và dạy bảo các cháu nên người cũng như con đẻ của mình và thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật". Từ khi cháu N ở với chị H, anh C không cấp dưỡng nuôi con, hiện chị H có thu nhập ổn định, vẫn đảm bảo các điều kiện vật chất và tinh thần cho cháu N. Do đó, có cơ sở khẳng định chị H đủ điều kiện để nuôi cháu N.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định tâm lý, tinh thần cho cháu N và phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của cháu N, cần phải thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, giao cháu Triệu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 29/3/2005 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành, là phù hợp theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với ý kiến của anh C cho rằng anh Trần Tuấn A (là chồng của chị H) có hành vi đánh cháu N, phía cháu N thừa nhận do lỗi của cháu đã nói hỗn, cháu có nguyện vọng vẫn ở chung với chị H và anh Tuấn A; chị H xác nhận anh Tuấn A thương yêu cháu N như con đẻ, trực tiếp hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu N, không có hành vi hành hạ, ngược đãi đối với cháu N. Anh C không cung cấp được tài liệu chứng nào chứng minh anh Tuấn A có hành vi hành hạ, ngược đãi đối với cháu N nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có*

nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, nên cần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N khi không còn trực tiếp nuôi con theo quy định.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là 2.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là chi phí nuôi con hợp lý. Căn cứ vào thu nhập của anh C là trên 10 triệu đồng/tháng (theo xác nhận của Trung tâm đào tạo nghề T ngày 28/5/2019, thu nhập của anh C tháng 2/2019 là 15 triệu; tháng 3/2019 là 18 triệu đồng và tháng 4/2019 là 17 triệu đồng), nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng trên, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N với mức 2.000.000đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[2.3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí.

Anh C phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con là 300.000 đồng và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Triệu Hải C về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

Giao con chung là cháu Triệu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 29/3/2005 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

2. Anh Triệu Hải C phải cấp dưỡng nuôi con với chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hoàn trả cho chị H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 007722 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Anh Triệu Hải C phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Triệu Hải C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà